

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày 25-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Nguyễn Hoài Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh năm 1993 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: xóm 8, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An; chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn L và bà Cao Thị X; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-01-2019 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 14-3-2019 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Tấn N; nơi cư trú: Ấp P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Huỳnh Thế D; nơi cư trú: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

+ Anh Đào Ngọc T; nơi cư trú: Số 16A đường P, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Bế Minh T; nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị H; nơi cư trú: Xóm 5, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trọng D; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt;.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12-10-2009, Công ty cổ phần H (*say đây gọi là Công ty H*) có trụ sở tại: số 16A đường P, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mua 01 xe máy đào bánh xích của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư V để thi công tại công trình Thủy điện Đ. Đến tháng 12/2017 công việc thi công đã xong, tuy nhiên Công ty H vẫn để chiếc xe máy đào trên tại bon B, xã Q, huyện Đ và thuê ông Bế Minh T trông coi.

Tháng 5/2018, Phạm Văn B đến xã Q, huyện Đ làm thuê thì thấy chiếc xe máy đào của Công ty H nhưng không thấy người trông coi. Tháng 7/2018, B không làm thuê nữa mà về quê tại tỉnh Nghệ An. Đầu tháng 1/2019, anh Huỳnh Thế D là bạn của B, gọi điện hỏi B có biết ai bán xe máy đào không thì B trả lời là ở xã Q, huyện Đ có nhiều xe bán.

Ngày 05-01-2019, B từ tỉnh Nghệ An vào lại xã Q, huyện Đ để tìm việc làm thì vẫn thấy chiếc xe máy đào của Công ty H ở bon B, xã Q, huyện Đ. Vì đang cần tiền để trả nợ nên B nảy sinh ý định lừa bán chiếc xe máy đào của Công ty H. Sau đó B dùng 02 chiếc điện thoại di động của mình gọi cho anh D nói dối là anh của B có chiếc xe máy đào nhờ B bán hộ và nói anh D vào xã Q xem xe.

Ngày 07-01-2019, B dẫn anh D vào bon B, xã Q, huyện Đ xem xe máy đào của Công ty H. Trước đó, B đã tháo 02 biển số của xe máy đào ra rồi vứt vào bụi tre. Khi xem xe thì không gặp ông T hay bất kỳ người nào khác. Xem xe xong, anh D hỏi B giấy tờ hải quan của xe thì B nói dối là xe này anh của B mua bán qua tay nhiều người nên giấy tờ đã bị thất lạc. Tin B nói thật nên anh D đồng ý mua xe và thỏa thuận giá mua bán là 170.000.000 đồng. Sau đó vì muốn bán lại chiếc xe máy đào để kiếm lời, anh D đã thỏa thuận bán

xe cho anh Nguyễn Tấn N với giá 200.000.000 đồng thì anh N đồng ý mua, đồng thời anh N chuyển vào tài khoản của anh D số tiền 20.000.000 đồng để đặt cọc.

Sáng ngày 09-01-2019, anh D dẫn anh N vào gặp B để xem xe máy đào thì B biết người mua xe thực tế là anh N, còn anh D chỉ là người môi giới. Xem xe xong, B nói với anh N nếu mua xe thì trả trước cho anh của B một nửa số tiền, số tiền còn lại khi nào kéo xe ra thì trả hết, anh N đồng ý.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh N rút số tiền 70.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Đ đưa cho B, anh D cũng lấy số tiền 15.000.000 đồng (*nằm trong số tiền 20.000.000 đồng mà anh N đặt cọc cho anh D trước đó*) đưa cho B, tổng số tiền là 85.000.000 đồng. Sau đó B nhờ anh D viết giấy chuyển số tiền 85.000.000 đồng trên vào tài khoản của chị Phạm Thị H (*là chị gái của Bảo*). Sau đó cả ba cùng đi mua phụ tùng để sửa xe máy đào.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, B đi về trước còn anh D và anh N ở lại tiếp tục sửa xe thì ông T đến phát hiện sự việc nên gọi điện báo cho Công ty H. Biết bị B lừa nên anh D và anh N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Glong trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Glong, B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. B cũng tác động chị H giao nộp số tiền 85.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Glong.

Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Glong đã thu giữ: 01 xe máy đào bánh xích (*nhãn hiệu Hyundai Robex 2900LC, số khung: E904DII10619, số động cơ: D6AUV015460-C*); 02 biển số: 47XA-0685, màu vàng; 01 điện thoại di động (*nhãn hiệu Mi, màu vàng đồng*) và 01 điện thoại di động (*nhãn hiệu Nokia, màu đen*) của Phạm Văn B; 01 xe mô tô (*nhãn hiệu Honda Blade, màu đen trắng, biển kiểm soát: 37M1-17810*) của Phạm Văn B; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 85.000.000 đồng.

Ngày 05-3-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Glong đã ra quyết định xử lý vật chứng số 06, trả lại chiếc xe máy đào và 02 biển số cho chủ sở hữu là Công ty H; trả lại số tiền 85.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn N; ngày 01-4-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Glong đã ra quyết định trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 37M1-17810 cho Phạm Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Tấn N không yêu cầu Phạm Văn B bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS, ngày 08-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố Phạm Văn B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm; vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động (*nhãn hiệu Mi, màu vàng đồng*) và 01 điện thoại di động (*nhãn hiệu Nokia, màu đen*) của Phạm Văn B. Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã trả lại chiếc xe máy đào và 02 biển số cho chủ sở hữu là Công ty H; trả lại số tiền 85.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn N; trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 37M1-17810 cho Phạm Văn B.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và xin hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý, qua đó xác định: Vào ngày 09-01-2019, Phạm Văn B đã lừa bán 01 xe máy đào bánh xích của người khác cho anh Nguyễn Tấn N và đã chiếm đoạt được 85.000.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cụ thể:

Tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ; bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý, trông coi tài sản nên đã dùng tài sản không phải của mình để lừa bán cho người khác chiếm đoạt số tiền 85.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và hành vi của bị cáo không thuộc một trong các trường hợp không được hưởng án treo nên cần xử phạt mức án phù hợp, cho bị cáo được hưởng án treo và tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: cần tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động: 01 điện thoại di động (*nhãn hiệu Mi, màu vàng đồng*) và 01 điện thoại di động (*nhãn hiệu Nokia, màu đen*) của Phạm Văn B. Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 05-3-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong trả lại chiếc xe máy đào và 02 biển số cho chủ sở hữu là Công ty H; trả lại số tiền 85.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn N; và ngày 01-4-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong đã ra quyết định trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 37M1-17810 cho Phạm Văn B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn B 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 05-3-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong và quyết định xử lý vật chứng ngày 01-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động. Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao giữa cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong ngày 08-4-2019.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông ;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh